



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

NAPHTHA

Mã số: TCCS-06/SP

Ngày ban hành: 16/04/2019

Lần ban hành/sửa đổi: 01/02

Trang: 1/3

1. MỤC ĐÍCH

Tiêu chuẩn **TCCS 06/SP** được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và công bố ban hành theo Quyết định số: 06/2019/QĐ-TCCS, ngày 16 tháng 04 năm 2019.

Tiêu chuẩn này có thể được xem xét sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ cho phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

2. PHẠM VI

Tiêu chuẩn cơ sở này quy định các mức giới hạn đối với các chỉ tiêu kỹ thuật áp dụng cho Naptha do nhà máy sản xuất dầu khí Đông Phương cung cấp, được sử dụng chính trong việc sản xuất xăng E5RON92, xăng A95

3. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

TCCS: tiêu chuẩn cơ sở; TCVN: tiêu chuẩn Việt Nam

RON (Research Octane Number): Trị số Octan nghiên cứu

Naptha: Hỗn hợp bay hơi của các hydrocarbon lỏng có nguồn gốc từ dầu mỏ với khoảng nhiệt độ sôi thông thường từ 30 °C đến 215 °C, không pha chì, sử dụng để sản xuất xăng E5RON92, xăng A95

4. YÊU CẦU KỸ THUẬT

Các chỉ tiêu chất lượng của Naptha được quy định trong bảng 1

Bảng 1- Chỉ tiêu chất lượng của Naptha

Stt	Tên chỉ tiêu	Loại			Phương pháp thử
		Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	
1	Khối lượng riêng ở 15 °C, kg/lít	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	TCVN 6594:2000 (ASTM D1298)
2	Áp suất hơi (Reid) ở 37,8 °C, kPa	43 -75	43 - 75	43 -75	TCVN 7023 ASTM D 4953
3	Hàm lượng Aromatic, % V max	20	25	32	TCVN 3166



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

NAPHTHA


Mã số: TCCS-06/SP

Ngày ban hành: 16/04/2019

Lần ban hành/sửa đổi: 01/02

Trang: 2/3

					ASTM D5580
4	Trị số Octan (RON), min	65	80	90	TCVN 2703 ASTM D 2699
5	Khoảng sôi, °C				ASTM D86
	Điểm sôi đầu	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	
	10 % thể tích,	70	70	70	
	50% thể tích	70 – 120	70 – 120	70 – 120	
	90% thể tích, max	190	190	190	
	Điểm sôi cuối, max	215	210	210	
	Cặn cuối, % thể tích, max	2,0	2,0	2,0	
6	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg, max	500	250	250	TCVN 6701 ASTM D 2622
7	Hàm lượng benzen, % thể tích, max	2,5	2,5	2,5	TCVN 3166 ASTM D 5580
8	Hàm lượng olefin, % thể tích, max	38	38	38	TCVN 7330 ASTM D 1319
9	Hàm lượng oxy, % khối lượng, max	2,7	2,7	2,7	TCVN 7332 ASTM D 4815
10	Tổng hàm lượng kim loại (Fe, Mn), mg/L, max	5	5	5	TCVN 7331 ASTM D 3831
11	Hàm lượng chì, g/L,	0,013	0,013	0,013	TCVN 7143

	TIÊU CHUẨN CƠ SỞ NAPTHA			Mã số: TCCS-06/SP
				Ngày ban hành: 16/04/2019
				Lần ban hành/sửa đổi: 01/02
				Trang: 3/3
	max			ASTM D3237
12	Ngoại quan	Trong suốt, không phân lớp và không có tạp chất		TCVN 7759 ASTM D 4176

5. Phương pháp thử

5.1. Lấy mẫu thử: theo TCVN 6777 (ASTM D4057)

5.2. Phương pháp thử: Các phương pháp thử ứng với từng chỉ tiêu Naptha được quy định trong bảng 1.

6. Đóng, rót, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản:

Áp dụng theo tiêu chuẩn TCVN 3891 đóng rót, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản các sản phẩm dầu mỏ.

- Vận chuyển bằng các đường ống dẫn chính, các phương tiện vận tải thủy, tàu hoả và ô tô phải đảm bảo giữ gìn chất lượng và số lượng.
- Cho phép bơm chuyển tiếp trong các đường ống dẫn chính bằng cách tiếp xúc trực tiếp hoặc sử dụng các vật ngăn cách.
- Tất cả các toa xitec, ô tô xitec, toa tàu hoả, tàu và xà lan vận chuyển phải do nơi giao hàng niêm phong chì

7. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

Tên thường gọi của sản phẩm: Naptha

Tên thương mại: Naptha

Thành phần: Hỗn hợp Hydrocarbon phân đoạn sôi 30– 215 °C

Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:

Công ty Cổ phần Đầu tư VIPEC

Điện thoại: (+84) 776 268 168

Email: contact@vipecgroup.com

Địa chỉ: Lô 42LK3, Khu Đô thị mới Đông Sơn, Phường An Hoạch, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá.